

BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Manulife (MAFPF1)
- Ngày lập báo cáo : 09/01/2013

Đơn vị tính : VND

STT	Tài sản	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Chênh lệch kỳ báo cáo so với kỳ trước
I. 1	Tiền và các khoản tương đương tiền	13,744,040,782	11,832,452,311	1,911,588,471
1.1	Tiền gửi không kì hạn	13,744,040,782	11,832,452,311	1,911,588,471
1.2	Tiền gửi có kì hạn	-	-	-
I. 2	Các khoản Đầu tư	134,870,387,175	128,035,159,290	6,835,227,885
2.1	Trái phiếu Chính phủ	-	-	-
2.2	Trái phiếu Công ty	-	-	-
2.3	Cổ phiếu	134,803,117,800	128,035,149,000	6,767,968,800
2.3.1	Cổ phiếu niêm yết	134,803,117,800	128,035,149,000	6,767,968,800
2.3.2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-
2.4	Quyền mua	67,269,375	10,290	67,259,085
I. 3	Cổ tức được nhận	57,655,000	183,429,500	(125,774,500)
I. 4	Trái tức được nhận	-	-	-
I. 5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	-	-	-
I. 6	Các khoản phải thu khác	-	-	-
I. 7	Lãi tiền gửi được nhận	-	-	-
I. 7	Các tài sản khác	-	-	-
I. 8	TỔNG TÀI SẢN	148,672,082,957	140,051,041,101	8,621,041,856
STT	Nợ			
II. 1	Tiền phải thanh toán mua Chứng khoán	-	-	-
II. 2	Phí quản lý phải trả	247,264,282	232,973,857	14,290,425
II. 3	Phí giám sát và lưu lý phải trả	20,000,000	20,000,000	-
II. 4	Các khoản phải trả khác	313,513,538	266,726,790	46,786,748
	Chi phí hợp phải trả	132,013,538	104,002,978	28,010,560
	Chi phí dịch vụ nhà đầu tư phải trả	-	-	-
	Chi phí kiểm toán	181,500,000	162,723,812	18,776,188
	Chi phí giá OTC	-	-	-
II. 5	TỔNG NỢ	580,777,820	519,700,647	61,077,173
STT	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC			
III.1	Tài sản ròng của Quỹ (I. 8 - II. 5)	148,091,305,137	139,531,340,454	8,559,964,683
III.2	Tỷ lệ Tổng nợ/ Tài sản ròng của Quỹ	0.39%	0.37%	0.02%
III.3	Tổng số Đơn vị Quỹ	21,409,530	21,409,530	-
III.4	Giá trị của một Đơn vị Quỹ	6,917	6,517	400



Ngân hàng Giám sát

Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC



Tổng Giám Đốc Công ty Quản lý Quỹ

Nguyễn Vũ Ngọc Trinh

Phụ lục 15. Mẫu báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ
(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ)

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

1. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam
2. Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
3. Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Manulife (MAFPF1)
4. Ngày lập báo cáo : 09/01/2013

Đơn vị tính: VND

STT	Chi tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
I	Giá trị Tài sản ròng đầu kỳ của Quỹ	139,531,340,454	146,512,238,830
II	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	8,559,964,683	(6,980,898,376)
	Trong đó		
1	Thay đổi giá trị Tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	8,559,964,683	(6,980,898,376)
2	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà Đầu tư	-	-
III	Giá trị Tài sản ròng của Quỹ cuối kỳ	148,091,305,137	139,531,340,454
IV	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ	6,917	6,517

Ngân hàng Giám sát
PHÒNG NGHIỆP VỤ
NGÂN HÀNG
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
HSBC
(VIỆT NAM)
Lê Thị Thành Tâm
Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Tổng Giám Đốc Công ty quản lý quỹ
Nguyễn Vũ Ngọc Trinh
Nguyễn Vũ Ngọc Trinh
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
QUẢN LÝ QUỸ
MANULIFE
VIỆT NAM

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ
Quý IV/2012

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Manulife (MAFPF1)
- Ngày lập báo cáo : 09/01/2013

STT	Chi tiêu	Mã số	Năm báo cáo		Năm trước năm báo cáo	
			Số phát sinh kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Số phát sinh kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
	A	B	1	2	3	4
A. Xác định Kết quả hoạt động đã thực hiện						
I	Thu nhập từ hoạt động Đầu tư đã thực hiện	10	3,635,399,276	2,700,695,076	(253,436,497)	6,438,109,254
1	Cổ tức được nhận	11	1,921,653,900	7,011,251,090	710,612,700	4,823,264,200
2	Lãi trái phiếu được nhận	12	-	-	-	35,200,438
3	Lãi tiền gửi	13	122,822,117	240,891,868	91,426,626	416,475,607
4	Thu nhập bán chứng khoán	14	1,590,923,259	(4,551,447,882)	(1,055,475,823)	1,163,169,009
	Thu nhập khác	18	-	-	-	-
II	Chi phí	30	891,122,692	3,739,661,388	848,602,943	3,712,951,744
1	Phí Quản lý Quỹ	31	706,643,445	2,866,831,503	633,600,589	2,730,108,968
2	Phí Giám sát, lưu ký tài sản Quỹ	32	66,275,999	266,657,921	65,853,175	260,733,039
3	Chi phí hợp, đại hội	33	28,010,560	111,433,326	28,666,194	113,730,000
4	Chi phí Kiểm toán	34	18,776,188	203,936,000	55,145,610	252,913,619
5	Chi phí tư vấn, đánh giá	35	-	-	-	-
6	Các loại phí khác	38	71,416,500	290,802,638	65,337,375	355,466,118
III	Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ (I - II)	50	2,744,276,584	(1,038,966,312)	(1,102,039,440)	2,725,167,510
B. xác định kết quả chưa thực hiện						
I	Thu nhập	60	11,493,757,397	49,737,806,334	677,382,592	26,205,702,964
1	Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán	61	11,493,757,397	49,737,806,334	677,382,592	26,205,702,964
2	Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	62	-	-	-	-
II	Chi phí	70	5,678,069,298	18,900,125,178	18,701,274,039	59,337,261,424
1	Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	71	5,678,069,298	18,900,125,178	18,701,274,039	59,337,261,424
2	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	72	-	-	-	-
III	Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện cuối kỳ (I - II)	80	5,815,688,099	30,837,681,156	(18,023,891,447)	(33,131,558,460)



Lê Thị Thành Tâm
 Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
 Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

KT. Kế toán trưởng
 Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý Quỹ

Ngô Thị Bạch Minh Luân

Công ty quản lý quỹ



Nguyễn Vũ Ngọc Trinh